

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ KIẾN XÉT HỌC BỔNG HỌC KỲ II NĂM HỌC 2018-2019

Điều kiện được xét cấp học bổng như sau:

- Xét kết quả học tập trên thang điểm 4 (Theo quy định 289/QĐ-ĐHM và số 2828 của Trường Đại học Mở Hà Nội)
- Sinh viên đạt kết quả học tập từ Khá trở lên (Không tính điểm học lại, nâng điểm)
- Sinh viên đạt kết quả rèn luyện từ Khá trở lên (Điểm rèn luyện ≥ 70)
- Sinh viên không vi phạm quy chế thi, quy định của Khoa, Trường

Các mức xét học bổng như sau:

Khóa 25 Ngành Kế toán: Xét từ 3.55; Khóa 25 Ngành QTKD: Xét từ 3.07

Khóa 26 Ngành Kế toán: Xét từ 3.38; Khóa 26 Ngành QTKD: Xét từ 3.5

Khóa 27 Ngành Kế toán: Xét từ 3.29; Khóa 27 Ngành QTKD: Xét từ 3.00

Nếu sinh viên có Điểm trung bình học tập bằng nhau thì xét tiêu chí thứ 2 là Điểm rèn luyện

STT	Lớp	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới	TBC HK	Điểm RL	Loại HB	Số tiền HB
1	K25KT1	16A41010145	Nguyễn Hương Lan	21/01/1998	Nữ	3.81	99	Xuất sắc	7,768,000
2	K25KT1	16A41010029	Bùi Thị Huyền Trang	23/08/1998	Nữ	3.81	93	Xuất sắc	7,768,000
3	K25KT1	16A41010012	Đặng Thị Mai	05/05/1998	Nữ	3.76	90	Xuất sắc	7,768,000
4	K25KT1	16A41010042	Đỗ Thùy Dương	03/12/1998	Nữ	3.69	88	Giỏi	6,573,000
5	K25KT1	16A41010055	Bùi Thị Diệu Ly	18/09/1998	Nữ	3.57	89	Giỏi	6,573,000
6	K25KT1	16A41010093	Hoàng Thị Thúy Hồng	11/08/1998	Nữ	3.55	85	Giỏi	6,573,000
7	K25KT2	16A41010104	Nguyễn Thị Thanh Hoa	17/02/1998	Nữ	3.76	91	Xuất sắc	7,768,000
8	K25KT2	16A41010064	Trần Ngọc Linh	03/08/1998	Nữ	3.71	91	Xuất sắc	7,768,000
9	K25KT2	16A41010053	Dương Quỳnh Chi	21/08/1998	Nữ	3.69	91	Xuất sắc	7,768,000
10	K25KT2	16A41010056	Lê Thị Tập	12/10/1998	Nữ	3.69	91	Xuất sắc	7,768,000
11	K25KT2	16A41010131	Mai Thị Ngoan	04/04/1998	Nữ	3.67	91	Xuất sắc	7,768,000
12	K25KT2	16A41010054	Trương Thị Minh Thúy	24/02/1998	Nữ	3.67	89	Giỏi	6,573,000
13	K25QT1	16A42010049	Nguyễn Thu Hương	15/11/1998	Nữ	3.66	93	Xuất sắc	8,092,000
14	K25QT1	16A42010041	Nguyễn Thị Khánh Huyền	15/03/1998	Nữ	3.55	82	Giỏi	6,847,000
15	K25QT1	16A42010062	Nguyễn Thị Hương Liên	03/08/1998	Nữ	3.36	94	Giỏi	6,847,000
16	K25QT1	16A42010030	Nguyễn Thùy Dung	06/02/1998	Nữ	3.27	84	Giỏi	6,847,000
17	K25QT1	16A42010073	Hoàng Thị Huyền	08/11/1998	Nữ	3.07	74	Khá	6,225,000
18	K25QT2	16A42010102	Nguyễn Thị Hường	17/11/1998	Nữ	3.48	80	Giỏi	6,847,000
19	K25QT2	16A42010064	Nguyễn Bích Diệp	02/10/1998	Nữ	3.25	77	Khá	6,225,000
20	K25QT2	16A42010050	Phạm Thị Dung	09/09/1998	Nữ	3.18	87	Khá	6,225,000
21	K25QT2	16A42010035	Trần Thị Giang	26/05/1998	Nữ	3.18	79	Khá	6,225,000
22	K25QT2	16A42010077	Nguyễn Ngọc Thủy	14/10/1998	Nữ	3.16	83	Khá	6,225,000
23	K25QT2	16A42010104	Tạ Thị Thúy An	06/06/1997	Nữ	3.14	76	Khá	6,225,000
24	K26QT	17A42010005	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	01/06/1999	Nữ	3.75	85	Giỏi	8,316,000

STT	Lớp	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới	TBC HK	Điểm RL	Loại HB	Số tiền HB	
25	K26QT	17A42010079	Bùi Thị Thúy	Thúy	02/11/1999	Nữ	3.75	81	Giỏi	8,316,000
26	K26QT	17A42010002	Nguyễn Trà	My	16/11/1999	Nữ	3.69	97	Xuất sắc	9,828,000
27	K26QT	17A42010068	Đoàn Thị	Huân	16/02/1999	Nữ	3.63	85	Giỏi	8,316,000
28	K26QT	17A42010129	Nguyễn Thị	Thịnh	30/11/1999	Nữ	3.63	82	Giỏi	8,316,000
29	K26QT	17A42010037	Nguyễn Thị Hoài	Thu	01/01/1999	Nữ	3.63	82	Giỏi	8,316,000
30	K26QT	17A42010111	Nguyễn Thị	Ánh	03/06/1999	Nữ	3.56	82	Giỏi	8,316,000
31	K26QT	17A42010035	Trịnh Ngọc	Mai	13/04/1999	Nữ	3.56	82	Giỏi	8,316,000
32	K26QT	17A42010029	Nguyễn Khánh	Ly	10/10/1999	Nữ	3.50	90	Giỏi	8,316,000
33	K26KT	17A41010070	Đàm Khánh	Linh	16/04/1999	Nữ	3.88	85	Giỏi	8,316,000
34	K26KT	17A41010052	Hoàng Hà	My	05/08/1999	Nữ	3.81	95	Xuất sắc	9,828,000
35	K26KT	17A41010051	Bùi Thị Hải	Vân	25/10/1999	Nữ	3.63	85	Giỏi	8,316,000
36	K26KT	17A41010060	Hoàng Thị	Vân	30/04/1999	Nữ	3.50	96	Giỏi	8,316,000
37	K26KT	17A41010059	Phạm Thị Thanh	Huyền	20/11/1999	Nữ	3.50	82	Giỏi	8,316,000
38	K26KT	17A41010118	Nguyễn Thị	Trang	08/11/1999	Nữ	3.50	83	Giỏi	8,316,000
39	K26KT	17A41010122	Vũ Thị Thu	Hiền	17/11/1999	Nữ	3.44	82	Giỏi	8,316,000
40	K26KT	17A41010080	Ngô Thị Thu	Hương	30/10/1999	Nữ	3.44	82	Giỏi	8,316,000
41	K26KT	17A41010013	Đào Thị	Hằng	27/10/1999	Nữ	3.38	90	Giỏi	8,316,000
42	K26KT	17A41010075	Vũ Thị	Hậu	03/08/1999	Nữ	3.38	90	Giỏi	8,316,000
43	K26KT	17A41010004	Lê Thị Thu	Huyền	15/10/1999	Nữ	3.38	92	Giỏi	8,316,000
44	K26KT	17A41010003	Nguyễn Thị Thùy	Trang	22/12/1999	Nữ	3.38	86	Giỏi	8,316,000
45	K27KT1	18A41010137	Đào Thị	Hằng	15/01/2000	Nữ	3.52	77	Khá	8,190,000
46	K27KT1	18A41010134	Nguyễn Thanh	Thủy	04/10/2000	Nữ	3.52	77	Khá	8,190,000
47	K27KT1	18A41010155	Nguyễn Thanh	Hằng	04/12/2000	Nữ	3.33	80	Giỏi	9,009,000
48	K27KT1	18A41010098	Bùi Vũ	Phụng	20/12/2000	Nữ	3.31	82	Giỏi	9,009,000
49	K27KT1	18A41010126	Nguyễn Thị	Ba	27/10/2000	Nữ	3.29	77	Khá	8,190,000
50	K27KT1	18A41010096	Phạm Thị Hồng	Nhung	09/01/2000	Nữ	3.29	81	Giỏi	9,009,000
51	K27KT2	18A41010133	Hoàng Thị	Diện	11/04/1999	Nữ	3.86	89	Giỏi	9,009,000
52	K27KT2	18A41010013	Vương Thị	Oanh	25/10/2000	Nữ	3.76	99	Xuất sắc	10,647,000
53	K27KT2	18A41010070	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	04/06/2000	Nữ	3.55	88	Giỏi	9,009,000
54	K27KT2	18A41010129	Nguyễn Thị Thu	Trang	17/02/2000	Nữ	3.48	79	Khá	8,190,000
55	K27KT2	18A41010011	Lê Thị	Quỳnh	12/02/2000	Nữ	3.45	90	Giỏi	9,009,000
56	K27KT2	18A41010062	Nguyễn Thị Phương	Thảo	07/02/2000	Nữ	3.45	86	Giỏi	9,009,000
57	K27KT2	18A41010177	Đồng Thị	Ngọc	24/10/2000	Nữ	3.43	90	Giỏi	9,009,000
58	K27KT2	18A41010091	Vũ Thị	Hương	31/10/2000	Nữ	3.31	82	Giỏi	9,009,000
59	K27KT2	18A41010025	Nguyễn Thị	Hằng	14/12/2000	Nữ	3.29	90	Giỏi	9,009,000
60	K27QT1	18A42010050	Phùng Thị	Tuyết	12/09/2000	Nữ	3.48	82	Giỏi	9,009,000
61	K27QT1	18A42010249	Nguyễn Thị Minh	Hà	13/08/2000	Nữ	3.14	79	Khá	8,190,000

STT	Lớp	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới	TBC HK	Điểm RL	Loại HB	Số tiền HB
62	K27QT1	18A42010098	Bùi Khánh Huyền	15/06/2000	Nữ	3.05	79	Khá	8,190,000
63	K27QT1	18A42010068	Trần Văn Duân	27/09/2000	Nam	3.00	75	Khá	8,190,000
64	K27QT2	18A42010057	Nguyễn Thị Vân	24/08/2000	Nữ	3.50	85	Giỏi	9,009,000
65	K27QT2	18A42010165	Chu Thảo Hà	05/06/2000	Nữ	3.43	86	Giỏi	9,009,000
66	K27QT2	18A42010202	Lê Thị Chuyên	26/10/2000	Nữ	3.14	81	Khá	8,190,000
67	K27QT2	18A42010115	Hoàng Thị Thu Hoài	11/08/2000	Nữ	3.14	83	Khá	8,190,000
68	K27QT2	18A42010217	Trần Thị Hằng	08/07/2000	Nữ	3.12	83	Khá	8,190,000
69	K27QT2	18A42010059	Dương Thị Hồng Ly	19/08/1999	Nữ	3.10	89	Khá	8,190,000
70	K27QT2	18A42010234	Nguyễn Thị Lan Anh	17/10/2000	Nữ	3.05	83	Khá	8,190,000
71	K27QT2	18A42010269	Đàm Thị Lý	05/04/2000	Nữ	3.05	83	Khá	8,190,000
72	K27QT2	18A42010231	Nguyễn Thu Hiền	12/06/2000	Nữ	3.02	88	Khá	8,190,000
73	K27QT3	18A42010168	Lê Thị Ánh	24/12/2000	Nữ	3.43	82	Khá	8,190,000
74	K27QT3	18A42010155	Hoàng Thị Thủy	15/11/2000	Nữ	3.24	82	Giỏi	9,009,000
75	K27QT3	18A42010021	Nguyễn Thị Hồng Xuyên	01/01/2000	Nữ	3.17	82	Khá	8,190,000
76	K27QT3	18A42010164	Phan Thị Thu Thảo	28/12/2000	Nữ	3.14	83	Khá	8,190,000
77	K27QT3	18A42010280	Phạm Tâm Thư	02/02/2000	Nữ	3.12	83	Khá	8,190,000
78	K27QT3	18A42010109	Nguyễn Ngọc Ánh	30/08/2000	Nữ	3.00	83	Khá	8,190,000
79	K27QT3	18A42010128	Nguyễn Thị Thanh Xuân	23/04/2000	Nữ	3.00	79	Khá	8,190,000

639,499,000

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2019

Người lập biểu

KHOA KINH TẾ

Sinh viên có ý kiến, thắc mắc xin liên hệ trước 10h00 ngày 07/10/2019

Cô Nguyễn Kim Dung, Thầy Phạm Văn Tuấn - Phòng giáo vụ - Phòng 206 - Khu giảng đường Khoa Kinh tế

Sinh viên có tên trên danh sách gặp Cô Nguyễn Kim Dung để ghi thông tài khoản ngân hàng

Hạn đến 14h00 ngày 07/10/2019

Sau thời gian trên Khoa Kinh tế sẽ xét những sinh viên có tên trong Danh sách trên.